

CÁC ĐẶC TRƯNG DU LỊCH VĂN HÓA CỦA TỈNH TRÀ VINH

✍️ TS. NGUYỄN TRỌNG NHÂN¹

TÓM TẮT

Du lịch nói chung, du lịch văn hóa nói riêng đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội của địa phương. Phát triển du lịch văn hóa không chỉ góp phần bảo tồn, phát huy văn hóa mà còn tạo ra cơ hội việc làm, mang lại thu nhập, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giảm nghèo bền vững ở địa phương. Trà Vinh là một trong những tỉnh giàu tiềm năng về du lịch văn hóa. Nếu được đầu tư, khai thác hợp lý, du lịch văn hóa sẽ đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Thông qua các phương pháp quan sát thực tế, nghiên cứu tài liệu, tra cứu bản đồ, các đặc trưng du lịch văn hóa của tỉnh Trà Vinh được bàn luận. Kết quả nghiên cứu bổ sung tư liệu về du lịch văn hóa của tỉnh; đồng thời, giúp địa phương có cái nhìn tổng quan về du lịch văn hóa và nhận ra những phương diện cần tập trung đầu tư để thúc đẩy sự tiến triển hơn nữa đối với loại hình du lịch được xem là thế mạnh ở địa bàn nghiên cứu.

1. GIỚI THIỆU

Du lịch là ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng, xã hội hóa cao và hàm chứa nội dung văn hóa sâu sắc; ngành du lịch có khả năng đóng góp lớn vào phát triển kinh tế, tạo nhiều việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tạo động lực cho các ngành, lĩnh vực khác phát triển, đem lại hiệu quả nhiều mặt về kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị, đối ngoại và an ninh, quốc phòng. Nhận thức được tầm quan trọng của du lịch đối với công cuộc phát triển của đất nước, Bộ Chính trị (2017) đã đề ra mục tiêu đến năm 2020 du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và đến năm 2030 du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam. Để đạt được mục tiêu trên, một trong những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm là tập trung phát triển sản phẩm du lịch văn hóa ở các địa phương.

Là địa bàn tụ cư chủ yếu của ba dân tộc Kinh, Khmer, Hoa, nên Trà Vinh có nhiều tiềm năng về tài nguyên du lịch văn hóa. Thời gian qua, nhiều địa phương ở tỉnh đã khai thác văn hóa của các tộc người trên để phục vụ nhu cầu đa dạng của du khách và đạt được những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, để thúc đẩy sự phát triển hơn nữa của loại hình du lịch văn hóa ở tỉnh, rất cần những nghiên cứu đa diện, liên ngành để bổ sung thêm tư liệu, đồng thời giúp địa phương nhận ra những điểm mạnh cần phát huy, những điểm yếu cần khắc phục và tạo thế, lực cho sự cất cánh của ngành du lịch nói chung, lĩnh vực du lịch văn hóa ở tỉnh nói riêng. Với kỳ vọng có thể mang lại những tác động tích cực nêu trên, nghiên cứu này được thực hiện.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm: quan sát thực địa, nghiên cứu tài liệu và tra cứu bản đồ.

Hoạt động quan sát thực địa của tác giả được tiến hành trong 2 ngày 10 và 11 tháng 11 năm 2019. Các địa điểm quan sát gồm: cù lao Tân Quy, khu tưởng niệm nữ anh hùng liệt sĩ Nguyễn Thị Út (Út Tịch), chùa Ông Bồn (huyện Cầu Kè), chùa Vàm Rây, chùa Nôdol (huyện Trà Cú), chùa Hang (huyện Châu Thành), đền thờ Bác Hồ, Bảo tàng Văn hóa Dân tộc Khmer, chùa Áng, ao Bà Om, khu du lịch Huỳnh Kha (thành phố Trà Vinh), biển Ba Động (huyện Duyên Hải).

Tài liệu được sử dụng trong nghiên cứu này gồm sách, luật du lịch, quy hoạch tổng thể phát triển du lịch, sách hướng dẫn du lịch, quyết định về việc ban hành kế hoạch phát triển du lịch, số liệu thống kê du lịch. Phương pháp phân tích và tổng hợp được áp dụng để xử lý loại dữ liệu này.

1. Trường Đại học Cần Thơ

Các bản đồ được sử dụng trong tra cứu là bản đồ du lịch đồng bằng sông Cửu Long và bản đồ hành chính tỉnh Trà Vinh.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Một số vấn đề lí luận về du lịch văn hóa

Du lịch và văn hóa là những khái niệm được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau. Vì vậy, thật khó để thiết lập một định nghĩa về du lịch văn hóa được mọi người tán thành. Theo Richard (1996; dẫn theo Smith, 2003), du lịch văn hóa là tất cả sự di chuyển của con người đến những điểm hấp dẫn văn hóa cụ thể như bảo tàng, điểm di sản, nơi biểu diễn nghệ thuật, lễ hội bên ngoài nơi định cư thông thường của họ. Ibid (dẫn theo Smith, 2003) cho rằng du lịch văn hóa là sự di chuyển của con người đến những nơi biểu hiện về văn hóa xa nơi định cư thông thường của họ với dự định đạt được thông tin và trải nghiệm mới nhằm thỏa mãn nhu cầu văn hóa của họ. Trong luật Du lịch ở Việt Nam (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2018), du lịch văn hóa được định nghĩa là loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở khai thác giá trị văn hóa, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, tôn vinh giá trị văn hóa mới của nhân loại. Từ 3 khái niệm trên, có thể hiểu du lịch văn hóa là các hoạt động nảy sinh từ sự tương tác của du khách với các thành tố văn hóa của địa phương, có sự tham gia của người dân, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa.

Theo Smith (2003), có 13 loại hình du lịch văn hóa như sau:

- Du lịch điểm di sản: điểm khảo cổ, đô thị, di tích, bảo tàng.
- Du lịch điểm biểu diễn nghệ thuật: nhà hát, hội trường hòa nhạc, trung tâm văn hóa.
- Du lịch nghệ thuật tạo hình: phòng trưng bày, công viên điêu khắc, bảo tàng ảnh, kiến trúc.
- Du lịch lễ hội và sự kiện đặc biệt: lễ hội âm nhạc, sự kiện thể thao, lễ hội hóa trang.
- Du lịch điểm tôn giáo: nhà thờ, đền, điểm hành hương.
- Du lịch môi trường nông thôn: làng, nông trại, công viên quốc gia, làng sinh thái.

- Du lịch cộng đồng và truyền thống bản địa: văn hóa bộ lạc, dân tộc thiểu số.

- Du lịch nghệ thuật và thủ công: dệt, làm gốm, vẽ, điêu khắc.

- Du lịch ngôn ngữ: học hoặc thực hành ngôn ngữ.

- Du lịch ẩm thực: thưởng thức rượu, lấy mẫu thực phẩm, học nấu ăn.

- Du lịch công nghiệp và thương mại: viếng thăm nhà máy, hoạt động khai thác mỏ, nhà máy bia và nhà máy chưng cất.

- Du lịch văn hóa đại chúng hiện đại: nhạc pop, mua sắm, thời trang, đa phương tiện, thiết kế, công nghệ.

- Du lịch hoạt động quan tâm đặc biệt: vẽ, chụp ảnh, dệt.

Từ thập niên 90 của thế kỉ XX đến nay, du lịch văn hóa phát triển rất nhanh chóng và chiếm trên 1/3 chuyến du lịch quốc tế. Sự phát triển của du lịch văn hóa tạo nguồn tài chính quan trọng cho công tác bảo tồn di sản, nghệ thuật (rất tốn kém kinh phí); có thể thay thế các ngành kinh tế truyền thống (sử dụng nhiều tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường) trong tạo mở việc làm và mang lại thu nhập cho người dân; thúc đẩy sự phát triển kinh tế và giảm nghèo bền vững của địa phương.

Khách du lịch văn hóa có các đặc điểm (Smith, 2003):

- Tìm kiếm những điều khác biệt.
- Tìm kiếm sự chân thực trong những trải nghiệm văn hóa.
- Tương tác đúng đắn với điểm đến và cư dân.
- Có nhiều kỳ vọng đối với điểm đến và con người.
- Thích những trải nghiệm thực.
- Thích làm mới bản thân.

3.2. Tài nguyên du lịch văn hóa của tỉnh Trà Vinh

Nguồn tài nguyên du lịch văn hóa của tỉnh Trà Vinh đa dạng và có nhiều khả năng thu hút du khách trong và ngoài nước đến tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm. Nhìn một cách tổng thể, tài nguyên du lịch văn hóa của tỉnh có thể được phân thành các loại và ứng với các loại hình du lịch cụ thể như sau:

- *Di tích.* Đến năm 2018, tỉnh có tổng số 39 di tích. Trên phương diện giá trị, tỉnh có 14 di tích cấp quốc gia và 25 di tích cấp tỉnh. Trên phương diện loại hình, tỉnh có 1 danh thắng, 2 di tích khảo cổ, 5 di tích kiến trúc nghệ thuật, 31 di tích lịch sử. Các di tích ở tỉnh gồm: đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, chùa Giác Linh, bến tiếp nhận vũ khí Côn Tàu, chùa Bodhiculànam, chùa Py-Sey Va-Ra-Ram, nơi thành lập Chi bộ An Trường, chùa Tà Lôn, đình miếu Côn Trứng và lăng Ông Côn Tàu, địa điểm Bờ Lũy - chùa Lò Gạch (di tích lịch sử cấp quốc gia), Lưu Cừ II (di tích khảo cổ cấp quốc gia), ao Bà Om (thắng cảnh cấp quốc gia), chùa Âng, Phước Minh Cung, chùa Kom Pong (di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia), chùa Phước Mỹ, miếu Tiên Vãng, chùa Đom Bon Bak, căn cứ Tỉnh ủy Trà Vinh, chùa Long Thành, chùa Satharam Van Ta Rom, đình An Mỹ, chùa Sattharinadi Pro Khup, đình Phú Đức, đình Phước Lộc, chùa Chroy Ton Sa, chùa Can Snom, chùa Vel Lac, Thánh tịnh Thanh Long Tràng Võ, đình Hội Hữu, lầu Bà Cố Hỷ, chùa Phnô Om Pung, ban An ninh tỉnh Trà Vinh, chùa Ratanatdipàramkoskeo, chùa Trô Prat Bat, đình Khánh Hưng, chùa Phnô Sanke Thmây, chùa Krapoumchhouk Chral (di tích lịch sử cấp tỉnh), nhà cổ Huỳnh Kỳ, đình Minh Thuận (di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh). Trong đó, các di tích có nhiều khả năng cho hoạt động khai thác du lịch là ao Bà Om, đền thờ Bác Hồ, chùa Phước Minh Cung, chùa Giác Linh, chùa Âng, di tích khảo cổ Lưu Cừ. Các di tích không nằm trong danh mục di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh trên nhưng có nhiều thế mạnh để khai thác du lịch gồm: chùa Hang, chùa Nôdol, chùa Vàm Rây, nhà thờ Mặc Bắc. Các di tích này có thể được khai thác để phát triển loại hình du lịch viếng thăm/tìm hiểu di sản khảo cổ, kiến trúc, tôn giáo, nghệ thuật, cách mạng, lịch sử.

- *Lễ hội.* Tỉnh Trà Vinh có một số lễ hội tiêu biểu gắn với văn hóa của người Kinh, Khmer và Hoa như lễ hội Nghinh Ông, lễ hội Ok Om Bok, lễ hội Vu Lan, lễ hội Nguyên Tiêu. Các lễ hội này có thể được khai thác để phát triển loại hình du lịch giải trí, tâm linh, tham quan/tìm hiểu lễ hội.

- *Làng nghề.* Tỉnh Trà Vinh có đa dạng làng nghề, chẳng hạn: làng nghề trồng hoa kiểng

thành phố Trà Vinh, làng nghề sản xuất bánh tét Trà Cuôn, làng nghề sản xuất cốm dẹp Ba So (huyện Cầu Ngang), làng nghề đan lát - thủ công mỹ nghệ xã Hương Hòa, làng nghề tiểu thủ công nghiệp xã Hưng Mỹ (huyện Châu Thành), làng nghề tiểu thủ công nghiệp xã Đức Mỹ (huyện Càng Long), làng nghề dệt chiếu Cà Hom, làng nghề tiểu thủ công nghiệp Đại An (huyện Trà Cú). Các làng nghề này có thể được khai thác để phát triển loại hình du lịch sáng tạo và mua sắm, tham quan làng và phong cảnh văn hóa, đi bộ, biểu diễn nghệ thuật.

3.3. Các đặc trưng du lịch văn hóa của tỉnh Trà Vinh

Du lịch văn hóa của tỉnh Trà Vinh có những đặc trưng sau:

- *Chủ yếu được khai thác từ văn hóa của tộc người Khmer.* Thời gian qua, các địa phương ở tỉnh đã có sự đầu tư để khai thác du lịch gắn với văn hóa của đồng bào dân tộc Khmer như: chùa Âng, bảo tàng văn hóa dân tộc Khmer, chùa Hang, chùa Nôdol, chùa Vàm Rây, lễ hội Ok Om Bok. Điều này có thể được lý giải bởi văn hóa của người Khmer đa dạng và hàm chứa nhiều yếu tố có khả năng thu hút du khách hơn so với văn hóa của các tộc người khác ở tỉnh.

- *Các yếu tố văn hóa vật thể được khai thác phục vụ du lịch nổi trội hơn các yếu tố văn hóa phi vật thể.* Hiện tại, hầu hết các nơi đến du lịch của tỉnh đều tồn tại dưới dạng văn hóa vật thể, chẳng hạn, đền thờ Bác Hồ, ao Bà Om, chùa Âng, bảo tàng văn hóa dân tộc Khmer, chùa Hang, chùa Nôdol, chùa Vàm Rây, chùa Giác Linh, khu lưu niệm nữ anh hùng liệt sĩ Nguyễn Thị Út,... Một trong những lợi thế điển hình của văn hóa vật thể là có thể được khai thác để phục vụ nhu cầu du lịch quanh năm của du khách và đây là lời giải vì sao văn hóa vật thể thu hút đông đảo du khách hơn so với các yếu tố văn hóa phi vật thể của tỉnh.

- *Thu hút khách nội địa hơn khách quốc tế.* Theo số liệu thống kê của phòng Quản lý du lịch thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Trà Vinh, từ năm 2015 đến năm 2019, tổng lượt khách nội địa có lưu trú ở tỉnh luôn cao hơn rất nhiều so với tổng lượt khách quốc tế có lưu trú ở tỉnh (2015: 26,8 lần; 2016: 26,9 lần; năm 2017: 30,6 lần; năm 2018: 24,5 lần;

năm 2019: 22,7 lần). Số lượt khách quốc tế đến Trà Vinh vì mục đích du lịch nói chung, mục đích du lịch văn hóa nói riêng rất thấp so với khách nội địa, một mặt, do sự tác động của yếu tố khoảng cách, chi phí, thời gian; mặt khác, văn hóa của tỉnh chưa đủ sức để thu hút nhiều du khách quốc tế.

- *Phát triển chủ yếu ở thành phố Trà Vinh, huyện phụ cận thành phố Trà Vinh (Châu Thành) và trục lộ 53 (từ thành phố Trà Vinh đến huyện Duyên Hải).* Với những thuận lợi về cơ sở hạ tầng (đường sá, điện), cơ sở vật chất kỹ thuật (khách sạn, nhà hàng), nguồn nhân lực du lịch, khả năng liên kết du lịch, tài nguyên du lịch đa dạng và hấp dẫn, các địa điểm du lịch ở tỉnh được khai thác chủ yếu trong không gian lãnh thổ nêu trên.

- *Bán tài nguyên hơn là bán dịch vụ nên chưa thu được nhiều lợi ích.* Ở các điểm du lịch của tỉnh, dịch vụ ăn uống, mua sắm, lưu trú, giải trí chưa phát triển. Vì vậy, đến các điểm du lịch, du khách chủ yếu thực hiện hoạt động tham quan. Điều này chưa mang lại nhiều lợi ích cho các điểm du lịch nói riêng và tỉnh nói chung. Đối với Thái Lan, ở nhiều điểm du lịch, dịch vụ ăn uống, mua sắm, giải trí khá phát triển nên địa phương có nhiều khoản thu. Bán tài nguyên không mang lại nhiều lợi ích vật chất cho địa phương, quốc gia như bán dịch vụ.

- *Người dân địa phương chưa tham gia sâu rộng vào hoạt động du lịch và những lợi ích họ được hưởng chưa nhiều.* Hiện tại, người dân địa phương chưa tham gia nhiều vào hoạt động du lịch ở các điểm du lịch. Điều này chịu sự tác động của tính thời vụ du lịch, số lượt khách đến thăm; vốn, kiến thức, kỹ năng của người dân địa phương; chính sách/sự hỗ trợ của chính quyền địa phương. Nhìn chung, người dân chỉ tham gia vào một số hoạt động như hướng dẫn tham quan, bán thức ăn, thức uống và hàng lưu niệm cho du khách. Sự tham gia của họ chủ yếu

tồn tại dưới dạng khuyến khích vật chất, cung cấp thông tin và nằm ở nấc thang thấp nhất trong thang bậc về sự tham gia của cộng đồng trong du lịch.

- *Thời gian tham quan của du khách ngắn.* Trà Vinh chưa có những điểm tham quan văn hóa quy mô lớn với các hoạt động đa dạng, hấp dẫn, có khả năng kéo dài thời gian lưu lại của du khách. Trong thời gian 2 ngày, du khách có thể đến được hết các điểm du lịch văn hóa quan trọng ở tỉnh. Điều này làm cho thời gian lưu trú của du khách ở tỉnh ngắn, công suất sử dụng buồng, nhà hàng thấp, địa phương mất đi đáng kể nguồn thu.

- *Hoạt động du lịch của du khách còn đơn điệu.* Đến các điểm du lịch văn hóa của tỉnh, du khách thường thực hiện các hoạt động: ngắm cảnh, tham quan kiến trúc, nghe thuyết minh, ăn uống, mua sắm, chụp ảnh. Các hoạt động này còn đơn điệu, chưa thật sự thu hút du khách và khó kéo dài thời gian lưu lại của du khách. Để hoạt động du lịch ở các điểm văn hóa sinh động, hấp dẫn, cần có những hoạt động thu hút sự tham gia của du khách và có không gian để du khách tự vận động, khám phá.

4. KẾT LUẬN

Du lịch văn hóa có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương. Trà Vinh là tỉnh giàu có về tài nguyên du lịch văn hóa. Thời gian qua, bên cạnh những thành tựu, việc khai thác du lịch văn hóa ở tỉnh vẫn còn một số tồn tại và điều này một phần được thể hiện qua các đặc trưng du lịch văn hóa của tỉnh. Để thúc đẩy sự phát triển du lịch văn hóa của tỉnh không thể xem nhẹ các đặc trưng có tính chất rào cản. Khai thác du lịch nói chung, khai thác du lịch văn hóa nói riêng hiệu quả, cần phải có sự hưởng ứng và tham gia tích cực của người dân địa phương, du khách, doanh nghiệp, chính quyền địa phương, nhà quản lý và nhà khoa học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị, 2017. Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Hà Nội.
2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2018. Luật du lịch (hiện hành). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật. Hà Nội.
3. Smith, M. K., 2003. Issues in cultural studies. Routledge publisher. London.